

# “Tinh thần nhắm và mở mắt” – một thử nghiệm đọc khái niệm Tinh thần trong *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel

Nguyễn Nho Minh Uyên\*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## TÓM TẮT

Triết học Hegel vốn được xem là khó hiểu với lối văn tự dài dòng, trừu tượng, nhiều móc nối phức tạp. Bài báo này đề xuất một thử nghiệm đọc khái niệm Tinh thần của Hegel bằng cách mượn tượng Tinh thần như một nhân vật văn học trong tác phẩm “văn học” *Hiện tượng học tinh thần*. Trong tác phẩm này, Hegel nhiều lần miêu tả hình ảnh Tinh thần an tĩnh chìm trong đêm tối và Tinh thần bước chân ra hiện thực tràn ngập ánh sáng ban ngày. Mượn biểu tượng Phật Thích-ca nhắm mắt suy ngẫm an tĩnh và Chúa Jesus mở mắt vững quyết – với hai quan niệm tôn giáo tách biệt nhau: một bên cầu an và giải thoát đau khổ, một bên hy sinh và chịu đựng đau khổ – trên nền tảng về ảnh hưởng của hai học thuyết đến triết học Hegel; đồng thời với việc lấy ra từ lối viết hình tượng, mộng tưởng của Hegel những miêu tả sống động về Tinh thần, bài báo đặt tên Tinh thần trong cặp trạng thái đối ảnh là Tinh thần nhắm và mở mắt. Trong chuỗi vô tận các hành vi nhắm và mở đôi mắt mình, Tinh thần đã đạt được vô số cái biết khác nhau về đêm tối yên tĩnh và ánh sáng hiện thực, hay nói như Hegel, về nhất thể tự-mình và đa thể cho-mình, tương ứng với mục (A) “Ý thức” và (B) “Tự ý thức” trong tác phẩm *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel.

**Từ khoá:** Hegel, Hiện tượng học tinh thần, Ý thức, Tự-ý thức, Tinh thần nhắm và mở mắt

## MỞ ĐẦU

Hegel đặt vấn đề về “cộng đồng thú vật mang tính tinh thần” để nêu lên mối nguy hại của việc tri thức trở thành sở hữu riêng của một nhóm trí thức – một cộng đồng thú vật cặm cụi với chiếc kính lúp trong vương quốc tinh thần biệt lập với xã hội của mình. Theo Hegel, sự sở hữu tri thức như là “vật sở hữu bí truyền (...) dành cho một số ít cá nhân” chỉ là tạm thời do khái niệm chưa được triển khai thành các hình tượng để hiểu mà “chỉ mới hiện diện trong Khái niệm [sơ khởi, trừu tượng] hay chỉ mới hiện diện trong cái Bên trong của nó thôi” (1, tr. 23-24). Ông khẳng định tri thức sẽ và phải được “công truyền” (exoterisch) hay phổ cập ra đại chúng, bằng con đường hình tượng hóa hay giác tính hóa: “Thông qua giác tính (Verstand) để đi đến cái biết-lý tính [Tri thức thuần lý của lý tính] (vernünftiges Wissen) là đòi hỏi chính đáng của ý thức đang đi đến với Khoa học” (1, tr. 24). Cũng thế, việc hình tượng hóa khái niệm triết học để làm cho nó trở thành cái dễ hiểu, có thể được công truyền ra cho mọi người là công việc chính đáng nhằm giúp cho mọi người đạt được tri thức triết học: “Hình thức ‘dễ hiểu’ (verständige Form) của Khoa học là con đường của Khoa học mở ra cho tất cả mọi người và cũng là con đường đã được làm cho bằng phẳng để mọi người đều đến được với Khoa học” (1, tr. 24).

Trên tinh thần công truyền ấy, mục tiêu của bài báo là đề xuất cách đọc *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel, vốn được viết với một phong cách giàu hình tượng văn học, như tiếp cận một tài liệu văn học để làm cho khái niệm Tinh thần trở thành nhân vật sống động và dễ hiểu. Tuy nhiên, nhân vật Tinh thần này khác với những nhân vật văn học thông thường ở chỗ nó thiên vị đặc điểm phổ cập, ví mô hơn đặc điểm cá biệt, riêng lẻ, bởi Hegel đã xây dựng nhân vật Tinh thần này với tham vọng bao chứa được trong nó tất cả lý giải cho những nhân vật văn học thông thường khác nói riêng và mọi lĩnh vực trong cuộc sống nói chung. Mục đích của bài viết trong việc văn học hóa một tác phẩm triết học và nhân vật hóa một khái niệm triết học thật ra là rất giản dị, chỉ nhằm để mở ra một chiều kích tiếp nhận Hegel thông qua con đường tư duy hình tượng của văn học, bằng cách tận dụng đọc kĩ các diễn đạt giàu miêu tả và so sánh của Hegel trong quyển *Hiện tượng học tinh thần*.

Ở nước ngoài, những học giả tên tuổi theo trường phái Hegel trải dài từ đầu thế kỉ XX như Alexandre Kojève, Theodor Adorno, Henry Harris, Frederick Beiser đến các học giả đương đại như Terry Pinkard và Slavoj Žižek đã đưa ra những diễn dịch thông minh và sâu sắc về *Hiện tượng học tinh thần*<sup>2-7</sup>. Ở Việt Nam, công trình dịch *Hiện tượng học tinh thần* cùng với các phần “Chú giải dẫn nhập” trong tác phẩm dịch này

Sinh viên khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

### Liên hệ

**Nguyễn Nho Minh Uyên**, Sinh viên khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: nguyennhominhuyen@gmail.com

### Lịch sử

- Ngày nhận: 27/3/2024
- Ngày sửa đổi: 19/11/2024
- Ngày chấp nhận: 30/12/2024
- Ngày đăng:

### DOI:



### Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Trích dẫn bài báo này:** Uyên N N M. “Tinh thần nhắm và mở mắt” – một thử nghiệm đọc khái niệm Tinh thần trong *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; ():1-11.

54 của Bùi Văn Nam Sơn đã trình bày vừa sâu sát vừa  
55 sáng sủa hệ thống luận điểm của Hegel ẩn sau văn  
56 phong khó hiểu của ông<sup>1</sup>. Nguyễn Hữu Liêm góp  
57 thêm tiếng nói tranh biện với các nhà Hegel học trên  
58 thế giới trong luận án tiến sĩ triết học *Re-visioning The*  
59 *End of History*<sup>8</sup>. Trong bầu không khí học thuật giàu  
60 có và sôi nổi ấy, bài báo chỉ bổ sung một luồng tư  
61 tưởng đơn về Tinh thần nhằm góp phần tạo hình khái  
62 niệm này.  
63 Bài báo xây dựng hình dung về Tinh thần nhằm và  
64 mở mắt dựa trên sức ảnh hưởng của cả Phật giáo  
65 và Thiên Chúa giáo lên triết học Hegel chủ yếu dựa  
66 trên phương pháp đọc kĩ *Hiện tượng học tinh thần* và  
67 phương pháp liên văn bản, liên ngành triết học, văn  
68 học và tôn giáo. Đối tượng nghiên cứu của bài báo là  
69 khái niệm Tinh thần, cụ thể là hai nội dung Tinh thần  
70 nhất thể và Tinh thần đa thể mà bài báo gọi tên là Tinh  
71 thần nhắm mắt và Tinh thần mở mắt, thuộc phạm vi  
72 nghiên cứu là phần (A) “Ý thức” và (B) “Tự-ý thức”  
73 trong *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel. Hai phần  
74 này là khung xương quan trọng cho phần (C) không  
75 tên được triển khai để hoàn tất tác phẩm.

## 76 NỘI DUNG CHÍNH

### 77 *Hiện tượng học tinh thần như là tác phẩm* 78 *văn học – Tinh thần như là nhân vật văn học*

79 Cơ sở của công việc tiếp cận văn bản triết học *Hiện*  
80 *tượng học Tinh thần* của Hegel như một tác phẩm văn  
81 học, mà trong đó khái niệm Tinh thần (Geist) như  
82 là nhân vật trung tâm, trước tiên nằm ở điểm chung  
83 giữa văn học và triết học khởi phát từ trong quan  
84 niệm “văn sử triết bất phân” truyền thống. Chúng  
85 ta thường nói rằng nếu văn học kể chuyện thì triết  
86 học lập thuyết; tuy nhiên, vẫn có thể nói ngược lại,  
87 chẳng hạn *Anh em nhà Karamazov* của Dostoevsky  
88 đã lập thuyết còn *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel  
89 đã kể chuyện. Dostoevsky đã “lập thuyết” về nguyên  
90 nhân Smerdyakov giết người và Hegel đã “kể chuyện”  
91 về tiến trình trở thành của Tinh thần. Hành vi lập  
92 thuyết, hay tạo ra giả thuyết, thực chất là sự phỏng  
93 đoán, giả định, tạo nên học thuyết như là sản phẩm  
94 hư cấu hay thậm chí là của mộng tưởng. Khi triết gia  
95 nói với chúng ta rằng thế giới là thế này, vận động như  
96 thế này, triết gia chỉ đang “kể chuyện” thần thoại mà  
97 thôi. Diễn giải bản chất chung của triết học và văn  
98 học, Hegel đã nhận xét về sự tương đồng của nghệ  
99 thuật, tôn giáo và triết học trong tác phẩm *Mỹ học:*  
100 *Bài giảng về nghệ thuật* (*Aesthetics: Lectures on Fine*  
101 *Arts*): “Ba lĩnh vực của tinh thần tuyệt đối chỉ khác  
102 nhau ở dạng thức mà thông qua đó cái Tuyệt đối được  
103 đem về với ý thức”<sup>a</sup> (9, tr. 101).

<sup>a</sup>The three realms of absolute spirit differ only in the forms in which they bring home to consciousness their object, the Absolute.

104 Cơ sở thứ hai cho thấy tính hợp lý và chính đáng để  
105 văn học hóa triết học nằm ở phong cách viết giàu hình  
106 tượng của Hegel nói chung và của *Hiện tượng học tinh*  
107 *thần* nói riêng. Khi thử đọc một trích dẫn miêu tả  
108 Tinh thần trong *Hiện tượng học tinh thần* của Hegel -  
109 “Ánh sáng của nó lụi tàn dần ngay bên trong lòng nó  
110 và mất dạng như một làn khói mờ không có hình dáng  
111 đang tan biến đi trong khoảng không” (1, tr. 1284), ta  
112 nhận thấy một lối viết đầy chất thơ và mộng tưởng.  
113 Nghiên cứu thứ ba trong quyển *Hegel: Ba nghiên*  
114 *cứu* (Hegel: Three Studies) của Theodor Adorno là  
115 *Skoteimos, hay Phương pháp đọc Hegel* (Skoteimos, or  
116 How to Read Hegel) đã đề xuất cách đọc Hegel như  
117 chơi với âm nhạc: “Chơi với những ý tưởng của ông  
118 bằng đôi tai suy đoán như thể chúng là những nốt  
119 nhạc”<sup>b</sup> (3, tr. 123). Theo ông, triết học của Hegel là  
120 “sản phẩm của trí tưởng tượng hữu hiệu”<sup>c</sup> (3, tr. 142),  
121 duy chỉ khác với bản nhạc thông thường ở chỗ, giống  
122 như “Marx sử dụng, trong một ẩn dụ về âm nhạc, là  
123 giai điệu vách đá kỳ quái của Hegel”<sup>d</sup> (3, tr. 143).  
124 Lập luận về âm nhạc của Adorno đã nhấn mạnh thêm  
125 tính giàu hình tượng và cảm xúc trong triết học Hegel.  
126 Như vậy, học tập từ phương pháp đọc tận dụng nhạc  
127 tính trong văn phong Hegel của Adorno, bài báo tận  
128 dụng tính văn học sẵn có trong *Hiện tượng học tinh*  
129 *thần* để thử nghiệm đọc Hegel như đọc một tác phẩm  
130 văn học và thông qua đó làm cho Tinh thần hiện lên  
131 sống động, dễ hiểu.

132 Có thể nói, tác phẩm “văn học” *Hiện tượng học tinh*  
133 *thần* là tác phẩm viết theo lối dòng ý thức, trong đó,  
134 hình dung về tuổi tác, ngoại hình của nhân vật Tinh  
135 thần này không dễ dàng xác định được, nhưng tâm  
136 tư, tình cảm của nhân vật này thì đồ sộ và chi tiết. Với  
137 nhận thức này, bài viết tìm hiểu khái niệm Tinh thần  
138 trong triết học Hegel bằng những câu hỏi tương tự  
139 dành cho một nhân vật trong văn học: nhân vật Tinh  
140 thần đã trải qua những biến cố tâm lý gì, đã thay đổi  
141 những đồng thời giữ nguyên bản chất của mình như  
142 thể nào? Cần chú ý, luận điểm “Tinh thần như một  
143 nhân vật” không phải là luận điểm của Hegel mà chỉ  
144 là một cách đọc hiểu mang tính thử nghiệm của tác  
145 giả về khái niệm Tinh thần dựa trên lối viết giàu miêu  
146 tả hình tượng của Hegel.

147 Tinh thần đã liên tục đi qua hai giai đoạn nhận thức  
148 là nhất thể tự-mình và đa thể cho-mình. Alexandre  
149 Kojève đã khẳng định rằng cặp đôi đối ảnh nhất thể  
150 và đa thể này là tối quan trọng trong triết học Hegel:  
151 “Phép đối lập giữa cái Cá biệt và cái Phổ biến, giữa

<sup>b</sup>Playing his ideas with the speculative ear as though they were musical notes.

<sup>c</sup>The work of the productive imagination.

<sup>d</sup>Marx, in a musical metaphor, called Hegel’s grotesque crag melody.

Einzelheit và Allgemeinheit, là cơ bản với Hegel”<sup>e</sup> (2, tr. 58). Miêu tả Tinh thần như một nhân vật, Hegel có tên gọi hay hơn cho cặp khái niệm nhất thể và đa thể, hay sâu xa hơn là cặp khái niệm tự-mình và cho-mình, là hình tượng người Cha tự-mình và người Mẹ hiện thực (hay cho-mình) của Tinh thần: “Tinh thần này có một người Mẹ hiện thực nhưng có một người Cha tự-mình [hay mặc nhiên]” (1, tr. 1435). Cần hiểu hình ảnh người Cha và người Mẹ là phép so sánh hình tượng của Hegel nhằm miêu tả những bước đi tri thức tự-mình và cho-mình của Tinh thần chứ không nhằm trình bày sự hiện diện của người cha và người mẹ ngoại tại với Tinh thần. Tương ứng với tri thức nhất thể tự-mình và đa thể cho-mình, khái niệm Tinh thần được Hegel miêu tả là hiện lên trong cặp đối ảnh hoàn mỹ giữa bóng đêm an tĩnh và ánh sáng rạng rỡ. Nói một cách hình tượng, nơi Tinh thần trú ngụ vừa là căn nhà vô biên tràn ngập ánh sáng, vừa là căn nhà vĩnh hằng êm ả trong bóng đêm.

Tả khái niệm Tinh thần nhất thể, Hegel viết về không gian bên trong hay thế giới nội tại, nơi chốn của bóng đêm an tĩnh, khoảng không thanh tịnh hay dòng sông êm ái huyền đồng. Đêm tối là bầu không của sự quên lãng, là nơi Ý thức xa rời hiện thực tươi mới, nhộn nhịp, xô bồ. Trong không gian ấy, Tinh thần nhất thể được Hegel nhiều lần miêu tả trong trạng thái “chìm” hay “chìm đắm” hoặc bị “nhấn chìm”: “Tinh thần bị chìm đắm trong đêm tối của Tự-ý thức của nó” (1, tr. 1550) “nhấn chìm trong dòng sông Stygis” (1, tr. 949). Việc làm của Tinh thần nhất thể là tạo nên nhất thể bất phân biệt, là vô thực hóa, vô hình hóa cái biết phân biệt, làm cho chúng trở nên “lụi tàn”, “mất dạng” và “tan biến”: “Ánh sáng của nó lụi tàn dần ngay bên trong lòng nó và mất dạng như một làn khói mờ không có hình dáng đang tan biến đi trong khoảng không” (1, tr. 1284). Trạng thái quên lãng, mơ màng của Tinh thần được miêu tả để làm rõ tính vô thực này: Tinh thần “đã uống chiếc cốc của bản thể [đạo đức] tuyệt đối, đã quên hết mọi tính phiến diện của sự tồn tại-cho-mình [tự tồn cô lập] lẫn mọi mục đích và Khái niệm riêng có” (1, tr. 949). Trong bầu trời đêm tịch mịch, ngưng đọng và bão hòa ấy, Tinh thần nhất thể âm thầm ủ mầm, bảo lưu sự sống náo động chưa thành hình: “Sự hiện hữu bên ngoài đã tiêu biến của nó vẫn được bảo lưu ở trong đêm tối ấy” (1, tr. 1550).

Thời tính của Tinh thần nhất thể được Hegel miêu tả trong chiều vận động ngược từ hiện tại về quá khứ. Phó từ chỉ hướng “vào”, “về” trong các diễn đạt của Hegel về sự “đi vào trong chính mình” (1, tr. 1550) của Tinh thần nhất thể cho thấy xu hướng đi vào nội

tại của Tinh thần, hay, cho thấy nội dung về cái biết yên tĩnh tự-mình của khái niệm Tinh thần. Lúc này, trong dòng thời gian ngược về quá khứ, Tinh thần là cái biết phản tư (Reflexion), hồi ức và nội tâm hóa (Er-innerung). Bàn rộng hơn, các nội dung về sự trở về, hồi quy này của khái niệm Tinh thần chia sẻ nhiều điểm tương đồng với khái niệm “phản phục” trong Đạo giáo.

Tả khái niệm Tinh thần đa thể, Hegel viết về không gian bên ngoài hay thế giới ngoại tại, nơi chốn của ánh sáng ban ngày hiện thực, của màu sắc náo nhiệt, sống động trong các diễn đạt về “sự hiện hữu (Existenz) ngoại tại” (10, tr. 82) và “lớp vỏ ngoài đầy màu sắc sặc sỡ” (10, tr. 82) của Tinh thần. Không gian ngoại tại này được Hegel nhấn mạnh thông qua hành động “bước” hay “thăng bước” đẩy chủ động, dẫn thân của Tinh thần đa thể, vốn đối lập với hành động “chìm” hay bị “nhấn chìm” của Tinh thần nhất thể: “Chỉ ở trong Tự-ý thức (...) mà ý thức lần đầu tiên mới có được Bước ngoặt, (...) thăng bước vào ánh sáng ban ngày rạng rỡ Tinh thần của Hiện tại” (1, tr. 420). Phó từ chỉ hướng “ra”, “khỏi”, “qua”, như trong diễn đạt “ra khỏi đêm tối này của sự xác tín thuần túy về chính mình” (1, tr. 1364) và “vượt qua bóng đêm trống rỗng của cái Bên kia siêu-cảm tính [của giác tính]” (1, tr. 420) cho thấy khao khát hướng ra không gian ngoại tại của Tinh thần xét như là nhân vật, hay, cho thấy nội dung về cái biết đầy ham muốn cho-mình của Tinh thần xét như là khái niệm của Hegel. Ngược lại với trạng thái “tan biến”, vô thực hóa của cái biết trong Tinh thần nhất thể, Tinh thần đa thể hiện thực hóa cái biết của mình, làm cho nó “xuất hiện” ra rõ ràng, sống động, tường minh: “Ý niệm – trở thành hiện thực (...) nó xuất hiện ra trong sự phong phú vô hạn của những hình thức, hiện tượng và hình thái” (10, tr. 82). Tinh thần lúc này là cái biết trở dậy và giải phóng đẩy chủ động: “Trỗi dậy trong một hình thái [mới] được giải phóng khỏi Tự nhiên và khỏi sự hiện hữu trực tiếp của Tinh thần” (1, tr. 1364). Nó đi ra “từ đêm tối của khả thể sang ban ngày của hiện tại, từ tự-mình trừu tượng sang ý nghĩa của tồn tại hiện thực” (1, tr. 821). Trạng thái tính thức của đa thể là đối lập với và được hình thành từ sự ngủ im nơi nhất thể: “Điều đang xảy ra cho-mình trong trạng thái sau không gì khác hơn chính là điều đã ngủ im trong trạng thái trước” (1, tr. 822).

Thời tính của Tinh thần đa thể có chiều vận động tuyến tính từ hiện tại đến tương lai. Trong thời tính ấy, các động từ “trở thành”, “phản bội”, “biến thành”, “đản sinh” cho thấy định hướng đến tương lai đầy hăng hái và nổi loạn của Tinh thần đa thể: “Hình thức này là đêm tối [của Tự-ý thức] trong đó Bản thể [đạo đức] đã bị phản bội (...) và đã biến chính mình

<sup>e</sup>The opposition of Particularity and Universality, of Einzelheit and Allgemeinheit, is fundamental for Hegel.

256 thành Chủ thể” ( <sup>1</sup>, tr. 1364). Tinh thần đã đi ra khỏi  
 257 chiếc kén êm dịu của nhất thể để đàn sinh trở thành  
 258 đa thể: “Khái niệm ấy là bí nhiệm sáng tạo của sự đàn  
 259 sinh ra nó” ( <sup>1</sup>, tr. 1343). Lúc này, trong thời gian  
 260 tiến đến tương lai, Tinh thần là khái niệm về cái biết  
 261 xuất nhượng (Entäußerung), tha hóa (Entfremdung)  
 262 và ngoại tại hóa (Veräußerung).

263 Hai nội dung nhất thể yên tĩnh và đa thể sống động  
 264 trong khái niệm Tinh thần trên đây đã được Hegel  
 265 khái quát thành hình tượng một Tinh thần vừa say  
 266 mèm trong đám rước của Thần Rượu Bacchus lại  
 267 vừa trong suốt, yên tĩnh trong tâm hồn, ẩn mình sau  
 268 những vận động ồn ào của tính cách đa thể đó. Vận  
 269 động trái ngược nhau nhưng chứa đựng lẫn nhau của  
 270 nhất thể và đa thể trong Tinh thần là vận động sống  
 271 động của Chân lý – đích đến tối thượng của triết học:  
 272 “[Chân lý] là đám rước cuồng nhiệt Thần Rượu Bac-  
 273 chus, nơi đó không thành viên nào là không say  
 274 khuớt; và bởi vì khi mỗi thành viên tách riêng ra, thì  
 275 cũng tự ngã gục lập tức, nên đám rước cũng đồng thời  
 276 là sự yên nghỉ trong suốt và đơn giản [khi mọi thành  
 277 viên đều lăn quay ra đất]” ( <sup>1</sup>, tr. 85).

278 Dựa trên miêu tả giàu hình tượng này của Hegel, ta  
 279 có thể đi đến sự quy giảm khái niệm Tinh thần thành  
 280 hình ảnh Tinh thần nhắm mắt và mở mắt. Tính đối  
 281 xứng trong Tinh thần nhất thể yên tĩnh và Tinh thần  
 282 đa thể sống động được Hegel diễn đạt trong nhiều cặp  
 283 từ đối xứng, chẳng hạn cặp khái niệm Ý thức – Tự-ý  
 284 thức, Bản thể – Chủ thể, sự xác tín – sự thật, cái phổ  
 285 biến – cái cá biệt, bề sâu – bề rộng; cặp hành vi khẳng  
 286 định – phủ định và cặp tính chất tự-mình – cho-mình,  
 287 ngang bằng – không ngang bằng, đồng danh – không  
 288 đồng danh, thuần túy – hiện thực.

289 **Tinh thần nhắm mắt như là Ý thức và Tinh**  
 290 **thần mở mắt như là Tự-ý thức**

291 Tinh thần nhắm mắt, mở mắt và đã thấy những gì?  
 292 Một bầu không ban đêm yên tĩnh, đó là cái thấy của  
 293 Tinh thần nhất thể tự-mình. Một ban ngày tràn ngập  
 294 ánh sáng hiện thực, đó là cái thấy của Tinh thần đa  
 295 thể cho-mình. Trong *Triết học tự nhiên* (Philosophy  
 296 of Nature), Hegel tóm tắt về Tinh thần như là nhất thể  
 297 và đa thể trong các cặp khái niệm cái Toàn bộ - cái Cá  
 298 biệt và cái Một - cái Nhiều như sau: “Bản tính của nó  
 299 là, những gì là cái Toàn bộ, là cái Một, thì hoàn toàn  
 300 ngoại cảnh hóa và ở trong chính mình là cái Nhiều”<sup>f</sup>  
 301 ( <sup>11</sup>, tr. 16).

<sup>f</sup> Its nature is such that what is posited as a Whole, as a One, is completely self-external and within itself a Many.

**Nhất thể: Tinh thần nhắm mắt – Ý thức**  
**khẳng định**

Mục (A) “Ý thức” trong tổng cộng ba mục của *Hiện*  
 304 *tượng học tinh thần* đã miêu tả người Cha tự-mình  
 305 dẫn dắt đứa trẻ Tinh thần đi qua cái biết say sưa an  
 306 tĩnh về thế giới. Lúc này, khái niệm Tinh thần mang  
 307 nghĩa là Ý thức bản khoản về câu hỏi “Thế giới là gì?”  
 308 mà không bận tâm về cái tôi, hay Tự-ý thức nằm sau  
 309 câu hỏi đó. Nội dung đầu tiên về Tinh thần nhất thể  
 310 tự-mình này thể hiện sự ảnh hưởng của Phật giáo nói  
 311 riêng hay Hindu giáo nói chung lên triết học Hegel.  
 312 Oosterling đã nhận xét màu sắc của Phật giáo trong  
 313 triết học Hegel nằm ở Tinh thần thiên định, chìm đắm  
 314 trong chính mình: “Luận bàn của Hegel về Phật giáo  
 315 được kết tinh trong hình tượng sau: đức Phật thiên  
 316 định đang tự nuốt lấy chính mình. Hình ảnh này thể  
 317 hiện tính trực tiếp tuyệt đối, sự tự-mình không phát  
 318 thành tiếng”<sup>g</sup> ( <sup>12</sup>, tr. 51). Vậy, mượn hình tượng đức  
 319 Phật an tĩnh trong cái nhắm hay khép hờ mắt, với nụ  
 320 cười thanh thản, thư thái trên môi, bài báo gọi Tinh  
 321 thần tự-mình là Tinh thần nhắm mắt. Bên cạnh đó,  
 322 bài báo xây dựng hình tượng Tinh thần nhắm mắt dựa  
 323 trên bình luận của Hegel về Tinh thần mơ ngủ trong  
 324 Hindu giáo ở tác phẩm *Bài giảng về triết học lịch sử*  
 325 (Lectures on the Philosophy of History): “Hữu thể  
 326 Tuyệt đối ở đây hiện lên như là trạng thái xuất thần  
 327 của tình trạng mơ ngủ”<sup>h</sup> ( <sup>13</sup>, tr. 146-147).

328 Chịu ảnh hưởng của triết học phương Đông, bên cạnh  
 329 Hindu giáo và Phật giáo, khái niệm nhất thể tự-mình  
 330 trong triết học Hegel đồng điệu với khái niệm Đạo  
 331 trong Đạo giáo. Miêu tả Đạo như là nhất thể yên tĩnh,  
 332 Lão Tử viết: “Tuy trống không mà vô tận” ( <sup>14</sup>, tr. 58),  
 333 còn Trang Tử viết: “Điểm đậm, tịch mịch, hư vô, vô  
 334 vị, đó là căn bản của trời đất, bản chất của đạo đức”  
 335 ( <sup>15</sup>, tr. 318). Giống như Đạo, Tinh thần nhắm mắt là  
 336 cái biết vắng lặng, tịch mịch trong bầu trời đêm. Khái  
 337 niệm Tinh thần nhất thể của Hegel cũng có thể được  
 338 hình dung dựa trên cơ sở đồng điệu với lý tưởng hài  
 339 nhi – già lão trong Đạo học. Trong Đạo học thường  
 340 thấy một phép bằng kỳ lạ giữa hình tượng hài nhi và  
 341 già lão. Đạo sĩ là người già lão thâm thúy nhưng hành  
 342 xử như hài nhi. Hài nhi dù non tơ nhưng được Đạo  
 343 lão ca tụng là có cái biết thâm thúy của già lão. Chẳng  
 344 hạn, Lão Tử ca ngợi Đạo vừa là con trẻ trong trẻo,  
 345 vừa là nguồn cội trường tồn: “Nó trong trẻo thay!/  
 346 Lại dường như trường tồn! / Ta không biết Nó là con  
 347 ai, / Dường như có trước Thiên đê” ( <sup>14</sup>, tr. 55). Mượn  
 348 hình tượng hài nhi và già lão trong Đạo giáo, cái biết  
 349

<sup>g</sup>The Hegelian discourse on Buddhism culminates in this image: the meditating Buddha swallowing himself. This image expresses for Hegel absolute immediacy, unarticulated in-itself.

<sup>h</sup>Absolute Being is presented here as in the ecstatic state of a dreaming condition.

350 của Tinh thần nhất thể có thể được hiểu trong hai  
351 bước đi. Đầu tiên, Tinh thần đã thấy cái Toàn bộ dừng  
352 đứng hay cái biết của hài nhi yên ngủ. Sau đó, Tinh  
353 thần đã có được tri thức về cái Một an tĩnh hay cái biết  
354 của già lão thiên định.

355 Như vậy, trong triết học Hegel, khái niệm Tinh thần  
356 nhất thể, hình dung như là Tinh thần nhắm mắt,  
357 mang nghĩa là tri thức tự-mình, hài hòa, yên tĩnh, là  
358 “tiếng Vàng hòa giải” (1, tr. 1303). Tiếng Vàng này  
359 vừa ngây thơ, thuần túy như hài nhi yên ngủ – tức  
360 tình trạng sơ khai, manh nha, tiềm tàng, chưa phát  
361 triển; vừa điềm đạm, thấu suốt như già lão thiên định  
362 – tức tình trạng thông thái, am tường về toàn bộ cuộc  
363 đời luyện và tha hóa đầy gian nan mà Tinh thần đã  
364 trải nghiệm và vượt bỏ. Khái niệm Tinh thần nhất thể  
365 không chỉ mang nghĩa là cái biết hòa giải, thông thái  
366 mà còn mang nghĩa là cái biết đầy nhược điểm do sự  
367 quan sát tự-mình dừng đứng, rời rạc và sự suy luận  
368 tự-mình nghèo nàn, trừu tượng của nó. Nói một cách  
369 hình tượng, khi Tinh thần khép mắt yên tĩnh trong  
370 nhận thức thuần túy của mình quá lâu, Tinh thần đã  
371 trở nên nghèo nàn và trống rỗng trong cái biết ấu trĩ.

372 **Ý thức quan sát cái Toàn bộ dừng đứng: hài**  
373 **nhi yên ngủ**

374 Sự quan sát của Tinh thần tự-mình lúc này giống như  
375 cái nhìn mà không thấy. Thấy nghĩa là nhận thức được  
376 sự khu biệt trong đa thể, trong khi nhìn chỉ là hành  
377 vi tri giác được cái Toàn bộ không có chút phân biệt  
378 nào ở bên trong: “Nó có đối tượng trước mặt mình  
379 trong tất cả tính hoàn chỉnh trọn vẹn” (1, tr. 230). Là  
380 hài nhi yên ngủ, Tinh thần chìm trong bóng đêm tự-  
381 mình, chưa có hiện thực cho-mình trọn vẹn: “Cũng  
382 như đứa bé mới được chào đời, thế giới mới ấy chưa  
383 có ngay được hiện thực trọn vẹn” (1, tr. 21-22).

384 • Cái Đây

385 Tinh thuần túy của Ý thức giống với một đứa trẻ vừa  
386 mở mắt nhìn đời, quan sát và nhận biết sự vật như  
387 là cái Đây đơn giản, dừng đứng. Trong nhận thức an  
388 tĩnh của đứa trẻ, chẳng có gì đặc biệt phức tạp về cái  
389 Đây cả. Đứa trẻ chỉ nhận biết về cái Đây trong khẳng  
390 định rằng đây là cái cây này, con người này, sự vật này:  
391 “Trong sự xác tín này, Ý thức – về phía mình – chỉ như  
392 là cái Tôi thuần túy; hay trong đó, cái Tôi chỉ như là  
393 Con người này thuần túy, và cũng thế, đối tượng chỉ  
394 như là Cái [vật] này thuần túy” (1, tr. 230). Khi Ý thức  
395 thông báo về sự vật trong cái Đây và hành vi Chỉ, Ý  
396 thức không nói được điều gì ngoài nêu lên được một  
397 đối tượng thuần túy và có tính phổ cập, hay, Ý thức  
398 nói cái Ở đây cụ thể nhưng thật ra đang nói cái Mọi  
399 phổ biến: “Khi tôi nói: cái Ở đây này, cái Bây giờ này

hay là cái Ở đây, Bây giờ cá biệt, tức thì tôi nói Mọi  
cái này, Mọi cái ở đây, Mọi cái bây giờ, Mọi cái cá biệt;  
cũng vậy, khi tôi nói: Tôi, cái Tôi cá biệt này thì tôi  
lại nói chung: Mọi cái Tôi” (1, tr. 239). Khi chỉ toàn  
nói điều trừu tượng, tri thức của Ý thức nhất thể này  
là “sự thật trừu tượng nhất và nghèo nàn nhất” (1, tr.  
230).

• Cái Cũng

Khi cái biết của Ý thức cảm tính về “cái Đây” bị lung  
lay trước câu hỏi “Cái Đây là cái gì?”, Ý thức bèn phải  
mổ xẻ sự vật ra thành các đặc điểm vật tính đa dạng  
để trả lời cho câu hỏi trên. Chẳng hạn, hạt muối có vô  
vàn các vật tính dừng đứng với nhau:

“Hạt muối này là cái Ở đây đơn giản, và đồng thời là  
đa tạp: nó là trắng, và cũng là mặn, cũng có hình lập  
phương, lại cũng có trọng lượng riêng và v.v. (...) cái  
trắng không tác động hay biến đổi cái vuông; cả hai  
không tác động cái mặn và v.v., (...) nó để mặc các cái  
khác và chỉ quan hệ với những cái còn lại thông qua  
một cái Cũng dừng đứng” (1, tr. 285).

Sự đa dạng của cuộc sống mà tri giác đem lại cho nhận  
thức của Tinh thần vẫn không thuộc về thế giới đa thể  
mà chỉ là sự quan sát hài lòng của nhất thể yên tĩnh.  
Những đặc điểm đa dạng kia đều “tự giải thể đi trong  
[tính] nhất thể của tri giác” (1, tr. 328), hay “chính cái  
Cũng này là bản thân cái phổ biến thuần túy” (1, tr.  
285). Khi ta hỏi Tinh thần về thế giới, nó nói thế giới  
vừa là cái này vừa là cái kia: “Điều này đúng và điều  
kia cũng đúng, điều này đúng trong chừng mực này,  
còn điều kia đúng trong chừng mực kia” (1, tr. 306).  
Ý thức nhất thể chỉ biết lời khẳng định chứ không biết  
lời phủ định, nên Tinh thần hiện giờ chỉ biết nói rằng:  
“Cái gì cũng đúng”. Việc “bám chặt (festhalten) lấy cái  
'Cũng' và cái 'Trong chừng mực'” (1, tr. 307) này của  
Ý thức – giống như một đứa trẻ chưa chịu đi vào thế  
giới đa thể hiện thực mà vẫn muốn ở mãi trong nhất  
thể êm ái của bóng đêm – đã được Hegel gọi là thói  
ngụy biện của Ý thức: nó “dùng lối ngụy biện: nay  
khẳng định là cái đúng thật chính cái mà bản thân nó  
mới trước đó đã khẳng định là không phải cái đúng  
thật” (1, tr. 309).

**Ý thức suy luận cái Một an tĩnh: già lão thiên**  
**định**

Mục III “Lực và giác tính, hiện tượng và thế giới siêu-  
cảm tính” trong chương (A) “Ý thức” trình bày Ý thức  
nhất thể trong hành vi suy luận. Hành vi đúc rút quy  
luật hay hành vi suy luận, cũng giống như hành vi  
quan sát, là vô hại, không gây đau đớn đến Tinh thần  
Ý thức. Tuy nhiên khác ở chỗ, Tinh thần bảo lưu trong  
đêm tối kinh nghiệm phong phú về đời sống và mặt

450 sự chiêm nghiệm an tĩnh về cái Một duy nhất ở đây  
451 là Tinh thần có trình độ trí tuệ cao hơn Tinh thần hài  
452 nhi yên ngủ trong sự quan sát dừng đứng cái Toàn  
453 bộ. Đây là Tinh thần già lão thiên định. Trong trạng  
454 thái tinh thần thông thái này, “chúng ta không đánh  
455 mất trong sự bất động mới mẻ này, yên vị với đôi mắt  
456 nhắm, những điệu nhảy của sự sống đã quên lãng”<sup>1</sup>  
457 (4, tr. 765). Với quyết tâm quy gộp hết tất cả hiện  
458 tượng dừng đứng của cái Toàn bộ thành quy luật an  
459 tĩnh của cái Một, Tinh thần là Ý thức suy luận muốn  
460 xóa bỏ hết những “cái nghe”, “cái thấy” nông cạn để  
461 đi đến tư tưởng:

462 “Trong [tiến trình] biện chứng của sự xác tín cảm  
463 tính, ‘cái nghe’ và ‘cái thấy’ v.v. đều đã tiêu biến đi  
464 đối với ý thức, và, với tư cách là ‘tri giác’, ý thức đã đi  
465 đến được ‘các tư tưởng’ (Gedanken)” (1, tr. 325).

466 - **Thế giới đảo ngược của hiện tượng**

467 Sự đảo ngược trở thành nhau của các hiện tượng vốn  
468 trước kia đối lập và phủ định nhau trong thế giới đa  
469 thể đã được Hegel lấy ví dụ như sự đảo ngược của vị  
470 ngọt thành vị chua – “cái gì có vị ngọt thì hóa ra đích  
471 thực hay ở bên trong là chua” (1, tr. 371), hay sự đảo  
472 ngược từ việc thù tiêu kẻ khác để bảo tồn chính tôi  
473 thành đích đến tự hủy – “việc phục hồi bản thân tôi  
474 như là một bản chất bằng việc “thù tiêu” bản chất xa  
475 lạ sẽ đảo ngược thành sự tự-hủy” (1, tr. 370-371), hay  
476 nghịch lý cho rằng sự trừng phạt vốn nhằm mục đích  
477 làm nhục và tiêu diệt thì lại đảo ngược thành hiệu quả  
478 bảo tồn thân mạng và đem lại vinh dự cho kẻ bị trừng  
479 phạt:

480 “Sự trừng phạt – theo quy luật của thế giới trước – là  
481 để làm nhục và tiêu diệt một con người chuyển hóa  
482 trong thế giới bị đảo ngược thành sự xá tội, bảo tồn  
483 sự sống và mang lại vinh dự cho con người đó” (1, tr.  
484 371).

485 Diễn đạt đảo ngược cho rằng “quy luật mới này mới  
486 thực diễn tả tiến trình của cái giống nhau trở thành  
487 không-giống nhau, và của cái không giống nhau trở  
488 thành giống nhau” (1, tr. 367) của Hegel được sử  
489 dụng nhằm để nói lên tính chất bất ngờ mà thế giới  
490 đảo ngược đem lại cho Tinh thần khi nó đã đạt được  
491 sự “giác ngộ” thấu suốt về thế giới. Đó là niềm hạnh  
492 phúc vô biên của Tinh thần khi thấu hiểu được thế  
493 giới siêu-cảm tính, một thế giới trước đây nó không  
494 thể hiểu và nay thì hiểu được trong thế giới đảo ngược.

495 - **Vương quốc yên tĩnh của quy luật**

496 Tất cả hiện tượng tưởng như đối lập với nhau đã đảo  
497 ngược trở thành nhau – về đầu tiên này là thế giới đảo  
498 ngược mà Tinh thần thấu hiểu, sau đó, tất cả các hiện  
499 tượng đều tự cho thấy nó chỉ là hình thức khác nhau

của cái Một duy nhất nằm ở sâu bên trong – về thứ 500  
501 hai này là “Vương quốc yên tĩnh của những quy luật”  
502 (1, tr. 355) mà Ý thức đã suy luận được. Cái Một duy  
503 nhất này được Tinh thần gọi tên một cách trừu tượng  
504 là Lực. Quy luật về Lực mà Ý thức nêu ra có hai nội  
505 dung. Thứ nhất, Lực đi ra khỏi chính mình: “Tôi, cái  
506 đồng danh (das Gleichnamige), đẩy tôi ra khỏi chính  
507 tôi” (1, tr. 385). Nói cách khác, Tinh thần đa nhất thể  
508 trở thành Tinh thần nhất thể, hay Ý thức hóa thành  
509 Tự-ý thức: “Ý thức trở thành cho-minh, nó là hành  
510 vi phân biệt những gì không phải phân biệt, nói cách  
511 khác, Ý thức trở thành Tự-ý thức” (1, tr. 385). Thứ  
512 hai, Lực hút mình vào trong mình: “Lực là bản thân  
513 ‘cái khác’ này, là Lực đã được đẩy ngược lại vào trong  
514 chính nó” (1, tr. 355). Nhờ Lực, Tinh thần “có ‘cái  
515 khác’ của chúng ngay nơi chính mình và đều chỉ là  
516 Một nhất thể duy nhất” (1, tr. 377). Lực đẩy rồi lại hút,  
517 rồi lại đẩy, cứ thế đến vô tận. Hai yếu tố luân phiên  
518 này của Lực, vừa mới biểu hiện ra lại hút vào trong  
519 và sau đó phải biểu hiện ra, được Hegel trình bày như  
520 sau: “Lực đã được đẩy hút ngược lại vào trong chính  
521 nó sau khi đã biểu hiện ra. Tuy nhiên, [cần hiểu rằng]  
522 trước hết, Lực được-đẩy-ngược-lại-vào-trong-chính-  
523 nó phải tất yếu tự biểu hiện ra” (1, tr. 331).

524 Với sự chiêm nghiệm sâu sắc về quy luật đẩy và hút,  
525 Tinh thần là Ý thức suy luận sống hạnh phúc trong  
526 vương quốc yên tĩnh. Tuy nhiên, khi quy giảm nhiều  
527 hiện tượng thành một quy luật duy nhất, Tinh thần  
528 lại mắc phải cái biết nghèo nàn, ấu trĩ. Nhất thể mà  
529 Tinh thần đạt được này lại mắc phải chứng bệnh của  
530 Ý thức xác tín – đó là sự lập thừa, trống rỗng, nhầm  
531 chán: “Quy luật ngày càng trở nên hời hợt hơn [trừ  
532 tượng và nông cạn]” (1, tr. 356).

533 **Đa thể: Tinh thần mở mắt – Tự-ý thức phủ**  
534 **định**

535 Người Mẹ cho-minh đã dẫn dắt đưa trẻ Tinh thần đi  
536 ra không gian hiện thực như thế nào được Hegel trình  
537 bày trong phần (B) “Tự-ý thức” của quyển *Hiện tượng*  
538 *học tinh thần*. Ở đây, khái niệm Tinh thần không còn  
539 mang nghĩa là Ý thức trả lời cho câu hỏi “Thế giới là  
540 gì?”, mà đã hóa thành Tự-ý thức trả lời cho câu hỏi  
541 “Ta làm gì trong thế giới?”. Câu hỏi cho-minh mới  
542 xuất hiện này khởi nguồn từ sự nhân đôi của nhất thể  
543 yên tĩnh thành cái Tôi và cái khác Tôi, hay Tự-ý thức  
544 và cái khác: “Cho Tự-ý thức, có một Tự-ý thức khác;  
545 Tự-ý thức đã đi đến chỗ ra khỏi chính bản thân mình”  
546 (1, tr. 435). Điều này đồng nghĩa với khẳng định rằng,  
547 với Hegel, “cái khác” không phải là cái khác lạ xa cách  
548 hoàn toàn mà là cái khác vốn khởi nguồn từ cái Một,  
549 do sự nhân đôi của Tự-ý thức mà thành.

550 Sự nhân đôi này đem lại tư duy phân biệt về cái ta  
551 đúng và kẻ khác sai: “Cái Sai – điều duy nhất được

<sup>1</sup>We cannot lose even in our new stillness, sitting with closed eyes, and the dance of life all forgotten.

552 bàn ở đây – được giả định như là cái Khác, như là cái  
 553 phủ định của Bản thể, còn Bản thể – với tư cách là nội  
 554 dung của cái biết – là cái Đúng” (1, tr. 74). Nội dung  
 555 đa thể này của khái niệm Tinh thần phản ánh sức ảnh  
 556 hưởng của Thiên Chúa giáo lên triết học Hegel. Cái  
 557 biết tường minh trong ánh sáng chính là cái biết toàn  
 558 tri của Thiên Chúa về thiện và ác được trình bày trong  
 559 miêu tả về đôi mắt Chúa ở Kinh Cựu ước, phần Châm  
 560 ngôn, câu 15:3: “Đôi mắt của Chúa ở muôn nơi, đôi  
 561 thấy kẻ ác và kẻ thiện”<sup>l</sup> (16, tr. 826). Hay nói như  
 562 Žižek, với tư cách là triết gia chịu ảnh hưởng từ Thiên  
 563 Chúa giáo, Hegel đã tụng ca tính thiết yếu đây thiêng  
 564 liêng của Tinh thần tự nhân đôi, phân rã, xuất nhượng  
 565 thành tồn tại cho-minh: “Với Hegel như là một triết  
 566 gia Thiên Chúa, vấn đề không phải là ‘vượt qua sự  
 567 phân rã’ (...) Sự thiêng liêng không phải là vực rỗng,  
 568 nơi Nhất thể-bao-chứa-tất-cả nằm sau hàng loạt các  
 569 hiện tượng; sự thiêng liêng là sức mạnh-phủ định xé  
 570 rời nhất thể hữu cơ”<sup>k</sup> (7, tr. 110-111).  
 571 Như vậy, Tinh thần đã nhắm rời mở đôi mắt của  
 572 mình. Đôi mắt bất phân, khép hờ an tịnh hay đôi  
 573 mắt tự-mình – xem ta và cái khác là một nhất thể của  
 574 đức Phật – nay đã đón chào ánh sáng ban ngày tường  
 575 minh, rạn vỡ của đôi mắt phân biệt, cho-minh của  
 576 Thiên Chúa. Trong tác phẩm *Bài giảng về triết học*  
 577 *lịch sử* (Lectures on the Philosophy of History), Hegel  
 578 đã miêu tả khái niệm Tinh thần đa thể trong hình ảnh  
 579 Tinh thần tỉnh giấc để khu biệt với trạng thái mơ ngủ  
 580 của Tinh thần trong Hindu giáo: “Trong giấc mơ, cá  
 581 thể ngừng ý thức về bản ngã trong trạng thái tương  
 582 phản với tồn tại khách quan. Khi tỉnh giấc, tôi tồn tại  
 583 cho chính mình và tạo hóa còn lại là cái ngoại cảnh,  
 584 là mục đích cố định vì tôi sống cho chúng”<sup>l</sup> (13, tr.  
 585 147). Thay thế cho cái biết ấu trĩ, nghèo nàn, trống  
 586 rỗng của Tinh thần nhắm mắt, Tinh thần mở mắt đã  
 587 cất tiếng nói “Không” – tiếng nói phủ định cái khác  
 588 để khẳng định cái Tôi Tự-ý thức đầy sống động, hào  
 589 hùng: “Tiếng nói ‘không’ phủ định: tiếng nói ‘không’  
 590 của sự đối đầu phần khởi và hùng dũng với đối thủ,  
 591 tiếng ‘không’ của sự tranh đấu nhằm ở sự tự khẳng  
 592 định, không phải sự tự vượt bỏ”<sup>m</sup> (7, tr. 199). Đánh  
 593 đổi niềm hạnh phúc của Ý thức an tĩnh cho cái biết

594 sâu sắc và phong phú, Tinh thần đa thể khẳng định  
 595 tính thiết yếu phải đau khổ – một luận điểm đặc trưng  
 596 của Thiên Chúa giáo. Trong khi đức Phật không nhìn  
 597 thấy tính thiết yếu phải đau khổ mà xem đau khổ là vô  
 598 minh, cần phải vượt bỏ đau khổ thì Thiên Chúa nhấn  
 599 mạnh sứ mệnh phải đau khổ để qua đau khổ, hồi sinh  
 600 với tầm vóc trí tuệ cao hơn: “Và ngài bắt đầu dạy họ  
 601 rằng, Con người sẽ phải chịu nhiều đau khổ, và bị các  
 602 trường lão, thầy tế lễ, thầy thông giáo chối bỏ, và rồi  
 603 ba ngày sau sẽ hồi sinh”<sup>n</sup> (17, tr. 1255).  
 604 Nhược điểm của Tinh thần đa thể nằm ở việc hành  
 605 động cho-minh của Tinh thần đem lại cái biết bảo thủ,  
 606 định kiến, còn sự suy tưởng cho-minh của Tinh thần  
 607 đem lại cái biết dị đoan, bất hạnh. Tinh thần đa thể  
 608 thiếu vắng trí tuệ thông thái, điềm đạm, an tịnh, hiền  
 609 lành và hạnh phúc trong chính mình của “tiếng Văng  
 610 hòa giải” (1, tr. 1303) nơi Tinh thần nhất thể.

**Tự-ý thức hành động cho cái Cá biệt độc lập, tự chủ**

613 Hegel trình bày các việc làm của Tự-ý thức hành động,  
 614 một nội dung của khái niệm Tinh thần đa thể, trong  
 615 tiểu mục A “Sự độc lập-tự chủ và không độc lập-tự  
 616 chủ của Tự-ý thức, làm Chủ và làm Nô”. Mục đích  
 617 của hành động đấu tranh chống lại cái khác, kẻ thù  
 618 địch, này là để đạt được sự thừa nhận về tính cách độc  
 619 lập, tự chủ của Tự-ý thức. Nói như Hegel, tiến trình  
 620 của Tự-ý thức nhìn chung là “tiến trình vận động của  
 621 Sự Thừa Nhận (Anerkennen)” (1, tr. 435).

**- Chiến đấu**

622 Việc làm đầu tiên của Tự-ý thức hành động là đấu  
 623 tranh chống lại cái khác thù địch:  
 624 “Điều này có ý nghĩa nhị bội: thứ nhất, nó đã tự đánh  
 625 mất mình vì nó tìm thấy bản thân nó như một bản  
 626 chất khác (ein anderes Wesen); thứ hai, nó đã, qua đó,  
 627 thù tiêu cái khác này, bởi nó cũng không nhìn thấy cái  
 628 khác như là cái bản chất mà nhìn thấy chính bản thân  
 629 nó ở trong cái khác” (1, tr. 435).

630 Kết cục của cuộc chiến đấu mất còn này là kẻ sát nhân  
 631 thắng trận và kẻ tử trận. Trong cuộc chiến đấu mất  
 632 còn, không có kết quả dàn hòa.

**- Làm Nô**

634 Để tránh cái chết, những Tự-ý thức bại trận tự nguyện  
 635 đầu hàng và khép mình vào vai Nô. Tự-ý thức làm Nô  
 636 khác với Tự-ý thức chiến đấu ở chỗ nó có nỗi khiếp sợ  
 637 cái chết, hay, nó “đã trải nghiệm sự kinh sợ (Furcht)  
 638 trước cái Chết (...) đã tan nát tận đáy lòng, đã run  
 639 rẩy cả châu thân và tất cả những gì kiên cố trong nội  
 640 tâm nó đều rạn vỡ” (1, tr. 450). Chính nỗi khiếp sợ  
 641 này khiến nó là Tự-ý thức đúng thật nhất, khiến nó

<sup>l</sup>The eyes of the Lord are in every place, beholding the evil and the good.

<sup>k</sup>For Hegel as a Christian philosopher, the problem is not “how to overcome the split” (...) The divine is not the abyssal, all-encompassing Substance/Unity behind the multitude of appearances; the divine is the negative power tearing apart the organic unity.

<sup>l</sup>In a dream, the individual ceases to be conscious of self as such, in contradistinction from objective existences. When awake, I exist for myself, and the rest of creation is an external, fixed objectivity, as I myself am for it.

<sup>m</sup>From the Nietzschean standpoint, is the affirmative no: the no of the joyous and heroic confrontation with the adversary, the no of struggle which aims at self-assertion, not self-sublation.

<sup>n</sup>And he began to teach them, that the Son of man must suffer many things, and be rejected of the elders, and of the chief priests, and scribes, and be killed, and after three days rise again.

nhận thức về số phận của cái tôi dữ dội nhất và có thói  
thức để hành động cho-mình nhất. Trong nỗi khiếp  
sợ cái chết, nó làm mọi cách để bảo tồn mạng sống  
của mình, trong đó có mảnh khỏe lừa lọc của một vai  
Nô giả vờ cung phụng, hầu hạ vai Chủ. Vai Chủ chỉ là  
một đối tượng lợi dụng của vai Nô, còn ông chủ thật  
sự của nó là ham muốn của Tự-ý thức muốn bảo toàn  
thân mạng mình. Hay, ông chủ đúng thật nhất của vai  
Nô là cái chết.

Trong hành động lao dịch để phụng sự vai Chủ, vai  
Nô đã cho thấy sự tự chủ của mình qua khả năng kiểm  
soát, nhào nặn sự vật tự nhiên để phục vụ cho-mình:  
“Qua việc phục dịch, nó thủ tiêu trong mọi yếu tố  
riêng lẻ tính phụ thuộc [và gắn liền] (Anhänglichkeit)  
của nó đối với cái hiện hữu tự nhiên [sự vật]” (1, tr.  
450). Nó thể hiện tư cách ông chủ đối với các sự vật  
tự nhiên vô ý thức này. Như vậy, vai Nô tưởng như là  
lệ thuộc vào vai Chủ đã cho thấy tính độc lập-tự chủ  
đúng thật. Nói cách khác, “[ý thức làm Nô] sẽ đi vào  
trong chính mình và tự đảo hóa ngược lại (umkehren)  
thành sự độc lập-tự chủ chân thực” (1, tr. 449).

Vai Chủ, ngược lại, không có niềm kính sợ của một  
Tự-ý thức rơi khỏi vườn địa đàng và cũng không có  
động lực phải hành động để tự bảo toàn thân mạng  
của Tự-ý thức hành động. Vai Chủ sống trong bầu  
không an tĩnh nhất thể của sự hưởng thụ, lệ thuộc và  
bị lừa lọc bởi vai Nô. Như vậy, “sự thật của ý thức độc-  
lập-tự-chủ [của Chủ] chính là ý thức nô lệ [của Nô]”  
(1, tr. 447).

### 672 **Tự-ý thức suy tưởng cho cái Nhiều tự do**

673 Khái niệm Tinh thần như là nhân vật Tinh thần đã  
674 tự phân rã chính mình thành các đa thể không chỉ  
675 trong hành động mà còn trong sự rút lui khỏi hành  
676 động. Ở tiểu mục B “Tự do của Tự-ý thức; thuyết  
677 khắc kỷ; thuyết hoài nghi; ý thức bất hạnh”, Hegel đã  
678 miêu tả Tự-ý thức từ chối hành động và rút lui vào sự  
679 suy tưởng cô độc hòng đạt được sự thừa nhận tư cách  
680 tự do của mình. Nói như Hegel, sau Tự-ý thức hành  
681 động, “một ý thức Suy Tưởng hay nói khác đi, là một  
682 Tự-ý thức tự do” (1, tr. 477) đã ra đời.

683 Nếu với tư cách của nhất thể, Tinh thần là Ý thức suy  
684 luận cái Một an tĩnh; thì với tư cách của đa thể, Tinh  
685 thần là Tự-ý thức suy tưởng cái Nhiều tự do. Trong  
686 *Khoa học Lôgic*, Hegel miêu tả cái Nhiều đối xứng với  
687 cái Một, được tạo ra từ cái Một: “Chính cái Một (...)   
688 là cái tự loại trừ chính mình ra khỏi chính mình và  
689 thiết định chính mình như là cái Nhiều” (18, tr. 347).

### 690 - **Khắc kỷ: tính cô lập**

691 Thế giới trong con mắt của Tinh thần suy tưởng lúc  
692 này là thế giới của cái Nhiều – của vô số cá nhân  
693 biệt lập, đứt gãy liên kết với nhau. Trong *Khoa học*

*Lôgic*, Hegel gọi cái Nhiều là những nguyên tử biệt  
lập: “Triết học của Nguyên tử luận tạo nên một cấp  
độ cơ bản trong sự phát triển lịch sử của Ý niệm, và  
nguyên tắc chung của triết học này là [sự] tồn tại-cho-  
mình trong hình thái của cái Nhiều” (18, tr. 349). Mỗi  
cá nhân đều rút lui khỏi tương tác với nhau, không  
“thèm” chiến đấu mất còn hay làm Chủ, làm Nô của  
nhau mà chứng minh tính cá nhân của mình trong  
‘phép thắng lợi tinh thần’ – trong sự tự kiêu âm thầm  
cho riêng mình mà không cần đến sự công nhận của  
kẻ khác. Đó là Tự-ý thức suy tưởng về “Ý nghĩ riêng  
ngoan cố” (1, tr. 480) để chứng minh tính tự do của  
mình. Dù tồn tại trong bất kì hoàn cảnh nào, Tự-ý  
thức luôn có tư cách của kẻ ngoại cuộc từ chối tham  
gia vào diễn biến tranh chấp ồn ào của xã hội. Đó là  
một Tự-ý thức mà “khi làm Chủ thì không tìm thấy  
sự thật cho-mình ở trong và thông qua Nô; và khi làm  
Nô thì không tìm thấy sự thật của mình trong ý chí  
của Chủ và trong sự phục dịch Chủ” (1, tr. 480).

Thái độ cô lập cứng đầu và kiêu hãnh này của Tự-ý  
thức tự do được thể hiện đầu tiên trong thuyết khắc  
kỷ, một học thuyết tự do của Tự-ý thức: “Trong suy  
tưởng, Tôi tự do, bởi tôi không phải ở trong một cái  
khác, mà vẫn ở nơi tôi một cách đơn giản, tuyệt đối”  
(1, tr. 478). Hegel cho rằng, vì bản chất của ý thức  
khắc kỷ vẫn là Tự-ý thức, nghĩa là Tinh thần có sự  
phân biệt cho-mình và có mục đích ở sự nâng cao  
chính mình thông qua việc phủ định kẻ khác mình,  
nên ẩn đằng sau vẻ đức hạnh lạnh lùng của ý thức  
khắc kỷ là những sinh vật điên cuồng hủy diệt lẫn  
nhau đúng như tính chất của Tự-ý thức hành động:  
“Khi được giải phóng khỏi quyền lực phủ định đang  
kiểm soát nó, là sự hỗn loạn của những lực lượng tinh  
thần; những lực lượng – một khi không còn bị trói  
buộc – trở thành những sinh vật sơ đẳng, điên cuồng  
lao vào hủy diệt lẫn nhau trong sự hoành hành tàn  
bạo” (1, tr. 976-977).

### - **Hoài nghi: tính mỉa mai**

Thái độ cô lập kiêu hãnh tự bảo toàn đức hạnh của  
mình nơi ý thức khắc kỷ chưa đủ để nó cho thấy mình  
tự do hơn tất thảy cái khác mà còn cần đến một tiếng  
cười mỉa mai trịch thượng, cao ngạo của ý thức hoài  
nghi. Một mặt, ý thức hoài nghi là ý thức hạnh phúc  
trong tiếng cười châm biếm:

“Nó chỉ ra sự vận động biện chứng, đó là sự Xác tín  
cảm tính, Tri giác và Giác tính [đều có tính đáng hoài  
nghi]. Nó cũng chỉ ra tính không-bản chất của những  
gì được xem là có giá trị như cái được quy định (ein  
Bestimmtes) ở trong mối quan hệ của làm chủ và làm  
nô và cả nơi bản thân sự suy tưởng trừu tượng [của ý  
thức khắc kỷ]” (1, tr. 485).

Mặt khác, ý thức hoài nghi là ý thức bất hạnh trong  
sự tự mâu thuẫn. Vì Tinh thần nhân đôi mình thành



747 Tự-ý thức và cái khác nên khi Tự-ý thức phủ định cái  
748 khác, nó cũng phủ định luôn chính mình. Nó cười  
749 cợt, nhạo báng cái khác mà không biết rằng nó đang  
750 cười cợt, nhạo báng chính mình. Hegel trình bày tính  
751 cách mâu thuẫn của ý thức hoài nghi như sau:

752 “Nó tuyên bố về tính hư vô của cái thấy, cái nghe và  
753 v.v. nhưng bản thân nó lại nhìn, nghe v.v; nó tuyên bố  
754 về tính hư vô của các nguyên tắc đạo đức và đồng thời  
755 để cho hành vi của nó được chính các nguyên tắc này  
756 ngự trị. Hành động và lời nói của nó luôn mâu thuẫn  
757 nhau; và bản thân nó cũng thế” (1, tr. 489).

758 Khi nhận thức về tính mâu thuẫn nội tại này, lần đầu  
759 tiên ý thức hoài nghi vốn tự tin, trịch thượng cảm thấy  
760 bất an. Ý thức hoài nghi đã dịch chuyển từ hành vi  
761 phủ định những Tự-ý thức khác đến chỗ phủ định  
762 chính mình. Từ sự hoài nghi kẻ khác, Tinh thần đa  
763 thể đã trở nên hoài nghi chính mình và phủ phục  
764 đổ sập xuống trở thành Tinh thần bất hạnh: “Ý thức  
765 bất hạnh (das unglückliche Bewusstsein) là ý thức về  
766 chính mình như là về cái bản chất bị nhân đôi, chỉ [tự]  
767 mâu thuẫn [với chính mình]” (1, tr. 491).

768 - **Sùng mộ: tính bất hạnh**

769 Tự-ý thức suy tưởng khởi đầu từ sự tự cô lập chính  
770 mình, dẫn dấn chân mình vào chỗ hoài nghi bất hạnh,  
771 cuối cùng đến lúc này đã đi đến thái độ sùng tín bị  
772 thăm về đức tin đã bị tha hóa hay xa lạ hóa. Vì đã  
773 cạn cùng sức lực sau những trò chơi cãi bướng, mĩa  
774 mai, phủ định, ý thức này không còn lại chút gì để  
775 giữ làm điều xác tín, không còn mái nhà nhất thể yên  
776 ấm để nương thân: “Khi một ý thức nghĩ rằng nó đã  
777 thắng lợi và đạt được sự thống nhất yên bình thì bao  
778 giờ cũng bị xua đuổi ngay ra khỏi trạng thái ấy” (1,  
779 tr. 491-492). Trong tình huống đó, ai sẽ cần đến một  
780 đức tin thần thánh cứu vớt hơn chính Tinh thần bất  
781 hạnh? Tự-ý thức bất hạnh đã hóa thành Tự-ý thức  
782 sùng mộ. Ý thức sùng mộ tự xoa dịu mình trong thế  
783 giới hiện tại đau khổ bằng hứa hẹn về thế giới bên kia  
784 sung sướng.

785 Thông qua sự tự nhân đôi của Tinh thần, Tự-ý thức đã  
786 tạo nên “thế giới đã được thánh hóa (geheiligte Welt)”  
787 (1, tr. 506) xa cách với chính mình – kẻ đơn độc, cô  
788 quạnh, bất hạnh đang khao khát thế giới đó. Trong  
789 Tự-ý thức sùng mộ xuất hiện sự “xúc cảm một cách  
790 đau đớn về sự phân đôi”, một nỗi “hoài vọng vô hạn”  
791 về “cái ở phía bên kia” không vươn đến được, là cái  
792 vụt khỏi tay khi [ta] nắm bắt nó, hay đúng hơn, đã bị  
793 vụt mất” (1, tr. 502). Tự-ý thức sùng mộ tưởng như  
794 cuối cùng đã đạt được bình yên trong mái nhà đức tin  
795 của mình nhưng thực tế, với tính cách của một Tự-ý  
796 thức, vẫn là một sự xác tín bị gây vỡ, vẫn là nội tâm  
797 hỗn độn của sự thật: “[Đời sống] bên trong nội tâm  
798 nó thật ra vẫn còn [ở trong trạng thái] của sự xác tín  
799 bị gây vỡ về chính mình” (1, tr. 505).

800 Tự-ý thức ở cấp độ cao nhất, sau khi trải qua mọi cá  
801 tính từ sự liều mạng sống, kinh sợ phục dịch, đến  
802 lòng kiêu hãnh tự phụ, đến tiếng cười hài kịch trịch  
803 thượng, còn lại là không gì khác ngoài Tinh thần bất  
804 hạnh, đau đớn và tuyệt vọng, không thể than vãn  
805 trước một hiện thực bị tha hóa đến thái cực thành cái  
806 bên này đau thương và cái bên kia thần thánh không  
807 thể với tới. Tự-ý thức có ước mơ tìm về mái nhà an  
808 tĩnh nhưng đồng thời nhận thức rằng ước mơ này là  
809 không thỏa nguyện được: “Niềm hy vọng trở thành  
810 một với nó [với cái “bên kia” bất biến mang hình thái  
811 cá biệt] vẫn mãi mãi là một niềm hy vọng, nghĩa là  
812 không thể được thỏa ứng, không có kết quả hiện tiền”  
813 (1, tr. 497). Lòng tin vào cái Bên kia này được Hegel  
814 đánh giá là mê tín và lừa mị, thiếu tính chân lý của  
815 Tinh thần nhất thể an yên trong chính mình:

816 “Tư duy của nó như là sự sùng mộ không gì hơn  
817 là những tiếng chuông ngân loạn xạ, hay một vầng  
818 hương trầm ấm áp [nhưng] mù mịt, một lối “tư duy”  
819 theo kiểu âm nhạc không đạt đến được độ cao của  
820 Khái niệm” (1, tr. 501).

821 Cần chú ý tính thiết yếu ngang nhau của hai nội dung  
822 về Tinh thần nhất thể và Tinh thần đa thể trong triết  
823 học Hegel. Bức tượng Phật Thích-ca thiền định và bức  
824 tượng Chúa Jesus Christ đóng đinh – hai lý tưởng thờ  
825 phụng niềm an tịnh và nỗi đau đớn này tưởng như  
826 đối lập nhau nhưng thực chất, trong triết học Hegel, là  
827 thiết yếu ngang nhau, có khả năng chuyển hóa thành  
828 nhau và là bước đệm cho sự tồn tại của nhau. Cái  
829 nhược của Tinh thần này cần đến cái ưu của Tinh thần  
830 kia. Tinh thần nhắm mắt đã thụ hưởng niềm hạnh  
831 phúc thông tuệ, còn Tinh thần mở mắt đã chịu đựng  
832 những màn kịch tối và nỗi bất hạnh. Niềm hạnh phúc  
833 của Tinh thần nhắm mắt làm nó nhàm chán, trống  
834 rỗng trong cái biết và khiến phát ngôn của nó là lời  
835 lặp thừa. Nỗi bất hạnh của Tinh thần mở mắt làm  
836 cho nó thông minh và đầy dũng cảm đi vào thế giới  
837 thù địch, đau thương, đem về được tri thức sâu sắc  
838 hơn cho Tinh thần, nhưng cũng khiến nó hung hăng,  
839 vụn vặt những trò cãi bướng. Đây chính là nội dung  
840 cơ bản của phép biện chứng trong triết học Hegel.

841 Luận điểm biện chứng của Hegel về tính thiết yếu  
842 ngang nhau của hai trạng thái Tinh thần này đôi khi  
843 bị quên lãng trong các tác phẩm diễn dịch triết học  
844 Hegel. Tác phẩm *Hegel* của Frederick Beiser dựa trên  
845 tiểu luận thần học *Tình yêu* (Love) thời trẻ của Hegel  
846 để đánh giá sự xuất nhượng hay tha hóa là mối đe dọa  
847 với Tinh thần, trong khi sự thu hồi và hòa giải là mục  
848 đích thiết yếu phải đạt được của Tinh thần: “Mục đích  
849 của nó là vượt qua những sự phân rã này để đạt đến  
850 nhất thể, để nó có thể lần nữa ‘an yên trong căn nhà  
851 thế giới’ (in die Welt zu Hause)”<sup>o</sup> (5, tr. 37). Nghĩa

<sup>o</sup>Its goal is to overcome these divisions and achieve unity, so that it is again “at home in the world” (in die Welt zu Hause).

852 là, ông đã quy giảm lý tưởng về Tinh thần của Hegel  
 853 thành “một cụm từ duy nhất (...): nhất thể của sự sống  
 854 (Einheit des Leben)”<sup>P</sup> (5, tr. 37).  
 855 Ngược lại, Alexandre Kojève lại thiên vị Tinh thần đa  
 856 thể. Ngay ở phần mở đầu tác phẩm *Dẫn nhập vào*  
 857 *việc đọc Hegel* (Introduction to The Reading of Hegel),  
 858 ông đã tôn vinh Tự-ý thức đa thể náo nhiệt, ồn ào,  
 859 sống động, giàu ham muốn và liều mạng sống trong  
 860 câu khẳng định: “Con người là Tự-ý thức”<sup>Q</sup> (2, tr. 3).  
 861 Cùng diễn dịch lại tiểu luận thần học *Tình yêu* (Love)  
 862 thời trẻ của Hegel nhưng Kojève hiểu khái niệm tình  
 863 yêu theo hướng đối nghịch. Tình yêu không phải là  
 864 lòng hiền lành hòa giải của Tinh thần nhắm mắt tự-  
 865 mình mà là lòng ham muốn cồn cào của Tinh thần  
 866 mở mắt cho-mình: “Tình yêu và khát vọng yêu đã trở  
 867 thành Ham muốn được thừa nhận và cuộc Chiến đấu  
 868 đến chết”<sup>R</sup>, “Sự Thừa nhận lẫn nhau trong Tình yêu  
 869 đã trở thành sự Thừa nhận xã hội và chính trị thông  
 870 qua Hành động”<sup>S</sup> (2, tr. 243).  
 871 Như vậy, nếu diễn dịch của Beiser bay bổng những  
 872 mộng tưởng lãng mạn về tình yêu thương trong “thần  
 873 học” Hegel, thì diễn dịch của Kojève đậm mùi “hiện  
 874 sinh học” (hay triết học hiện sinh) Hegel, nơi khái  
 875 niệm Tinh thần bị kéo xuống thành hàm nghĩa về cá  
 876 thể đấu tranh cho sự được thừa nhận của chính mình.  
 877 Có thể nói, diễn dịch của Beiser và Kojève đã bổ sung  
 878 cho nhau để nói lên được trọn vẹn luận điểm biện  
 879 chứng của Hegel về sự thiết yếu ngang nhau của nội  
 880 dung nhất thể và đa thể trong khái niệm Tinh thần.

## 881 KẾT LUẬN

882 Bài viết đã đề xuất cách đọc tác phẩm triết học *Hiện*  
 883 *tượng học tinh thần* như là tác phẩm văn học và khái  
 884 niệm Tinh thần như là nhân vật văn học trên cơ sở  
 885 về điểm chung giữa văn học và triết học, và lối viết  
 886 giàu tính văn học của Hegel. Thông qua cách đọc  
 887 này, bài viết trình bày một tổng thuật vắn tắt và trung  
 888 thành, đúng theo tinh thần biện chứng, về khái niệm  
 889 Tinh thần trong quyển *Hiện tượng học tinh thần* của  
 890 Hegel. Trong đó, cập đối ảnh Tinh thần nhắm và mở  
 891 mắt được xây dựng dựa trên biểu tượng đức Phật và  
 892 Thiên Chúa mang lại hình dạng sống động cho khái  
 893 niệm Tinh thần nhất thể tự-mình và đa thể cho-mình  
 894 của Hegel. Nếu khái niệm Tinh thần nhất thể chỉ cái  
 895 biết dung hợp, hài hòa như ban đêm thì khái niệm  
 896 Tinh thần đa thể chỉ cái biết phân minh, khu biệt như

<sup>P</sup>We can formulate the highest good of Hegel and the young romantic generation in a single phrase, one they would often use and constantly imply: unity of life (Einheit des Lebens).

<sup>Q</sup>Man is Self-Consciousness.

<sup>R</sup>Love and the desire for love have become Desire for recognition and Fighting to the death.

<sup>S</sup>Mutual Recognition in Love has become social and political Recognition through Action.

ban ngày. Khái niệm Tinh thần, hiểu như là hai cái  
 biết luân phiên, vừa thúc đẩy Tự-ý thức tha hóa, xuất  
 nhượng ra ánh sáng phân biệt hỗn loạn và xung đột,  
 vừa kêu gọi Ý thức thu hồi, phản tư về với bóng đêm  
 yên tĩnh và hòa giải.

Tri thức phong phú này về khái niệm Tinh thần góp  
 phần giúp định hình lẽ sống cho con người hiện đại.  
 Nhận biết mình là tế bào trong cơ thể Tinh thần  
 khổng lồ, mỗi cá nhân thấy sẵn sàng dấn thân vào thế  
 giới với tư cách là Tự-ý thức phủ định đầy chống đối,  
 thù nghịch và nổi loạn đồng thời với tư cách là Ý thức  
 hòa giải hiền lành, thông thái và an tĩnh; hay, sẵn sàng  
 làm cho triệt để cả hai công việc của “Tự-ý thức phủ  
 định” cất tiếng nói Không và “Ý thức khẳng định” cất  
 tiếng nói Vâng để tìm về được với người Cha tự-mình  
 và người Mẹ hiện thực và đi đến được căn nhà bao la  
 của Tinh thần.

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn TS. Nguyễn Ngọc Bảo  
 Trâm - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,  
 Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - đã góp  
 ý và định hướng sửa chữa giúp tôi hoàn thiện bài báo  
 này.

## XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bài báo này không có xung đột lợi ích.

## ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả xác minh mình là người duy nhất thực hiện các  
 công việc nghiên cứu để hoàn thành bài báo với đề tài  
 “*Tinh thần nhắm và mở mắt*” – một thử nghiệm đọc  
 khái niệm Tinh thần trong *Hiện tượng học tinh thần*  
 của Hegel.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hegel GWF. *Hiện tượng học tinh thần* (Phänomenologie des Geistes) (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải). Hà Nội: Văn học; 2006; 929-930
2. Kojève A. *Introduction to the reading of Hegel, Lectures on the Phenomenology of Spirit*. Ithaca and London: Cornell University Press; 1969; 931-932
3. Adorno TW. *Hegel: Three Studies*. London: The MIT Press, Cambridge; 1993; 933-934
4. Harris HS. *Hegel's Ladder II: The odyssey of spirit*. Indianapolis: Hackett Publishing Company, Inc.; 1997; 935-936
5. Beiser FC. *Hegel*. New York: Routledge; 2005; 937-938
6. Pinkard T. *Hegel's Phenomenology: The Sociality of Reason*. New York: Cambridge University; 1994; 939-940
7. Žižek S. *Less than nothing: Hegel and the shadow of dialectical materialism*. London, New York: Verso; 2012; Available from: <https://doi.org/10.1017/hgl.2015.11>; 941-944
8. Liem HNH. *Re-visioning The End of History* (Doctoral dissertation). San Francisco, CA: California Institute of Integral Studies; 2015; 945-946
9. Hegel GWF. *Aesthetics: Lectures on Fine Art. Volume I* (Translated by T.M.Knox). New York: Oxford University Press; 1975; 947-948
10. Hegel GWF. *Các nguyên lý triết học pháp quyền hay Đại cương pháp quyền tự nhiên và khoa học về nhà nước* (Grundlinien 949-950-951)

- 952 der Philosophie des Rechts oder Naturrecht und Staatswis-  
953 senschaft im Grundrisse) (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú  
954 giải). Hà Nội: Tri thức; 2010; Available from: <https://doi.org/10.59266/houjs.2024.435>.
- 955
- 956 11. Hegel GWF. Encyclopedia of the Philosophical Sciences Part  
957 Two, Philosophy of Nature (translated by A. V. Miller). Oxford:  
958 Clarendon Press; 1970;.
- 959 12. Oosterling H. Avoiding nihilism by Affirming nothing: Hegel  
960 on Buddhism. In: Hegel's Philosophy of the Historical Religion.  
961 Leiden, Boston: Brill; 2012; Available from: [https://doi.org/10.1163/9789004228153\\_005](https://doi.org/10.1163/9789004228153_005).
- 962
- 963 13. Hegel GWF. Lectures on the Philosophy of History (Translated  
964 by J. Sibree, M.A.). London: G. Bell and Sons, LTD; 1914;.
- 965 14. Lão Tử. Đạo Đức Kinh (Thu Giang, Nguyễn Duy Cần dịch và  
966 bình chú). Hồ Chí Minh: Trẻ; 2023; Available from: <https://doi.org/10.46223/hcmcoujs.econ.vi.13.3.505.2018>.
- 967
- 968 15. Trang Tử. Nam Hoa Kinh (Nguyễn Hiến Lê giới thiệu và chú  
969 dịch). Hồ Chí Minh: Văn hóa - Thông tin; 1994; Available from:  
970 <https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2023.vn.3.45-54>.
- 971 16. The Old Testament. Salt Lake city: The Church of Jesus Christ  
972 of Latter-day Saints; 1979;.
- 973 17. The New Testament. Salt Lake city: The Church of Jesus Christ  
974 of Latter-day Saints; 1979;.
- 975 18. Hegel GWF. Bách khoa thư các khoa học triết học I, Khoa học  
976 Logic (Logik der Enzyklopädie) (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú  
977 giải). Hà Nội: Tri thức; 2008; Available from: [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.16.7.2353\(2019\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.16.7.2353(2019)).
- 978

# “Spirit closes and opens its eyes” - an experimental reading of Hegel’s Concept of Spirit in *The phenomenology of Spirit*

Nguyen Nho Minh Uyen\*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## ABSTRACT

Hegel's philosophy is well-known for its lengthy, abstract, and complex intertwined expressions. This paper proposes an experimental reading of Hegel's concept of Spirit through imagination to identify Spirit as a character in a "literary" work named *The Phenomenology of Spirit*. In this work, the images of Spirit lying in the darkness of night and Spirit stepping into the full-of-daylight reality are described many times by Hegel. This article borrows the symbolic sculpture of a closing-eyes Gautama Buddha in peaceful contemplation and an opening-eyes Jesus Christ in willful determination, which iconically represent the two distinguished religious teachings: the teaching of contentment and liberation from suffering in Buddhism and the teaching of sacrifice and endurance of suffering in Christianity, based on their influences on Hegel's philosophy. The use of those symbolic images is to, and at the same time of the awareness of Hegel's imaginative and expressive style, call out the symmetrical phases of Spirit closing and opening its eyes. In the continuous realm of eyes opening and closing, Spirit gains several understandings about the deep night and the daylight - or in Hegel's words, about in-itself unity and for-itself opposites, respectively in part (A) "Consciousness" and part (B) "Self-Consciousness" of *The Phenomenology of Spirit*.

**Key words:** Hegel, The Phenomenology of Spirit, consciousness, self-consciousness, Spirit closes and opens its eyes

Student, Faculty of Literature, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

## Correspondence

**Nguyen Nho Minh Uyen**, Student, Faculty of Literature, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: nguyennhominhuyen@gmail.com

## History

- Received: 27/3/2024
- Revised: 19/11/2024
- Accepted: 30/12/2024
- Published Online:

DOI :



## Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Uyen N N M. “Spirit closes and opens its eyes” - an experimental reading of Hegel's Concept of Spirit in *The phenomenology of Spirit* . *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; ():1-1.